

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 15/2021/DS - PT

Ngày: 06 - 9 - 2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thủy và ông Nguyễn Thanh Hải .

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLPT - DS ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2021/QĐ - PT ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1969 và bà Lê Thị T, sinh năm 1970. Cùng ở địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Bà T ủy quyền cho ông S theo văn bản ủy quyền ngày 11-3-2021). Ông S có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ NLQ1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Trần Trọng Th, Luật sư Chi nhánh Công ty TNHH Luật N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam. Có mặt.

+ NLQ2, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* NLQ1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01-7-2012 (âm lịch) Ông Nguyễn Bá C có nhờ Ông Nguyễn Quang S vay hộ tiền để làm ăn, ông S đồng ý cho ông C vay số tiền là 280.000.000 đồng. Khi vay ông C có viết giấy biên nhận tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay đến hết tháng 01 năm 2013 (âm lịch). Để làm tin, ông C đưa cho ông S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 158115, thửa đất 65, tờ bản đồ PL16, diện tích đất 55m² tọa lạc tại xóm 9 (nay là thôn 5), xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam, tên người sử dụng đất là hộ Ông Nguyễn Bá C và NLQ1. Lúc vay hai bên thỏa thuận lãi 2%/tháng nhưng khi trả thì hai bên thỏa thuận chỉ tính lãi 1%/tháng. Ông C trả được cho ông tiền lãi của 04 tháng là 11.200.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ ông C không trả được mà viết giấy xin khất nợ đến tháng 10 năm 2013 (âm lịch) sẽ trả đầy đủ, nhưng đến cuối năm 2014 ông C không trả nợ cho ông như đã thỏa thuận. Do ông đòi nhiều lần nên đến ngày 15-12-2014 (âm lịch), ông C cùng con trai là Nguyễn Bá H đến nhà ông trình bày lý do khó khăn và trả ông được 70.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời ông C còn nhờ ông vay hộ thêm tiền để mua xe ô tô. Ông đã cho ông C vay thêm số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay 03 năm, hàng tháng ông C phải trả lãi đầy đủ của số tiền 300.000.000 đồng. Khi viết giấy biên nhận vay tiền ông C còn thống nhất năm đầu trả 80.000.000 đồng, năm thứ hai trả 80.000.000 đồng, năm cuối trả 140.000.000 đồng. Tính từ thời điểm vay số tiền 300.000.000 đồng (ngày 15-12-2014) đến nay ông C chưa trả cho ông được khoản tiền gốc nào mà mới trả được 05 tháng lãi là 15.000.000 đồng. Tổng cộng ông C vay của ông hai đợt là 510.000.000 đồng tiền gốc. Tháng 5 năm 2015 ông C bán xe ô tô nhưng vẫn không trả ông tiền, ông đã nhiều lần đến đòi nhưng ông C không những không trả nợ mà còn tỏ thái độ thách thức nên tháng 5 năm 2016 ông đã khởi kiện đòi nợ ông C tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam. Tại Bản án số 01/2017/DS-ST ngày 12-01-2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định buộc Ông Nguyễn Bá C có nghĩa vụ trả nợ cho ông số tiền vay còn nợ gốc là 510.000.000 đồng và tiền lãi là 221.640.000 đồng. Tổng cộng là 731.640.000 đồng. Sau đó bản án này đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy theo trình tự Giám đốc thẩm. Nay ông S yêu cầu ông C phải trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc là 510.000.000 đồng và lãi suất của hai khoản vay trên là 1%/tháng, kể từ thời điểm vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Bị đơn là Ông Nguyễn Bá C trình bày: Ông có vay tiền và thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay như ý kiến của ông S. Đến thời hạn trả nợ ông không trả cho ông S được đồng nào, ông có viết giấy khất ông S đến tháng 10 năm 2013 (âm lịch) thì ông sẽ trả cho ông S đầy đủ. Đến ngày 15-12-2014 (âm lịch), ông đến nhà ông S vay 200.000.000 đồng để mua ô tô, ông có viết giấy vay nợ và hẹn trả làm 3 đợt. Số tiền mà ông vay của ông S làm hai đợt tổng là 480.000.000 đồng, từ thời điểm đó cho đến nay ông đã trả được cho ông S số tiền mặt 100.000.000 đồng, ngoài ra ông đã gán nợ để đổi trừ cho ông S 01 tủ chè trị giá 10.500.000 đồng và 01 bộ bàn ghế (Minh Hồng) trị giá 13.500.000 đồng. Tổng số tiền mà ông đã thanh toán trả cho ông S là 124.000.000 đồng. Nay ông S khởi kiện buộc ông phải thanh toán trả cho ông S số tiền nợ gốc là 510.000.000 đồng và tiền lãi thì ông không đồng ý, ông xác định chỉ còn nợ ông S số tiền gốc là 356.000.000 đồng và ông nhất trí trả cho ông S toàn bộ số tiền gốc này, nhưng do điều kiện khó khăn nên ông xin trả dần trong 10 năm, mỗi năm ông trả ông S 35.600.000 đồng, còn tiền lãi thì ông xin được miễn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

NLQ1 trình bày: Bà là vợ của Ông Nguyễn Bá C. Trước đây việc vay tiền giữa ông C với Ông Nguyễn Quang S diễn ra như thế nào thì bà không được biết, việc ông C tự ý mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và ông C để đưa cho ông S thì bà cũng không hề biết. Nay bà yêu cầu ông S phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, còn việc trả nợ là việc riêng của ông C với ông S chứ bà không liên quan gì đến khoản nợ này.

NLQ2 trình bày: Ngày 15-12-2014 anh có đi cùng với bố anh là Ông Nguyễn Bá C đến nhà Ông Nguyễn Quang S và có ký vào giấy vay tiền với vai trò là người làm chứng, việc vay tiền giữa bố anh với ông S thì anh không có liên quan vì anh không được sử dụng số tiền đó, vì vậy anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Từ những nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 688, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Quang S. Buộc Ông Nguyễn Bá C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ông Nguyễn Quang S số tiền nợ gốc là 386.000.000 đồng và tiền lãi là 355.112.500 đồng. Tổng cộng là 741.112.500đ (bảy trăm bốn mươi một triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ1 làm đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B với nội dung Tòa án nhân dân huyện B đã không tuyên buộc Ông Nguyễn Quang S trả lại bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đảm bảo quyền lợi cho bà. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét, yêu cầu Ông Nguyễn Quang S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Tại phiên tòa, NLQ1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H đề nghị Tòa án trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H vì đây là tài sản chung của bà H; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của NLQ1; Sửa một phần nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng “Buộc Ông Nguyễn Quang S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG158115 do UBND huyện B cấp ngày 29/6/2006 đứng tên người sử dụng đất là hộ Ông Nguyễn Bá C và NLQ1; sau khi ông C trả lại xong số tiền gốc và tiền lãi cho Ông Nguyễn Quang S”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của NLQ1 trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của NLQ1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu Ông Nguyễn Quang S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, thấy: Bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện B chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Quang S; buộc Ông Nguyễn Bá C phải trả nợ gốc, nợ lãi cho ông S là có căn cứ,

đúng pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 158115 do UBND huyện B cấp ngày 29/6/2006 đứng tên người sử dụng đất là hộ Ông Nguyễn Bá C và NLQ1, mà khi ông C vay tiền đã đưa ông S cầm để làm tin là chưa đảm bảo quyền lợi cho đương sự vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên ghi nhận quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng, ông C đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S giữ để làm tin khi vay tiền nhưng không có sự thỏa thuận, đồng ý của bà H là không đảm bảo nguyên tắc vợ chồng bình đẳng, thỏa thuận với nhau trong việc định đoạt tài sản chung theo quy định tại các Điều 29, 33, 35 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó yêu cầu của bà H yêu cầu ông S đang chiếm giữ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, cần buộc ông S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG158115 do UBND huyện B cấp ngày 29/6/2006 mang tên người sử dụng đất là hộ Ông Nguyễn Bá C và NLQ1 cho Ông Nguyễn Bá C và NLQ1 sau khi ông C trả xong số tiền gốc 386.000.000 đồng, tiền lãi 355.112.500 đồng cho Ông Nguyễn Quang S là phù hợp với Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H nên bà H không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà H được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005901 ngày 14/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của NLQ1. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164, 688, 463, 466, 468, 470, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Quang S. Buộc Ông Nguyễn Bá C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ông Nguyễn Quang S số tiền nợ gốc là 386.000.000 đồng và tiền lãi là 355.112.500 đồng. Tổng cộng là 741.112.500 đồng (bảy trăm bốn mươi một triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

2. Buộc Ông Nguyễn Quang S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG158115 do UBND huyện B cấp ngày 29/6/2006 đứng tên người sử dụng đất là hộ Ông Nguyễn Bá C, NLQ1 cho Ông Nguyễn Bá C và NLQ1 sau khi

Ông Nguyễn Bá C trả xong số tiền gốc 386.000.000 đồng và tiền lãi 355.112.500 đồng (tổng cộng là 741.112.500 đồng) cho Ông Nguyễn Quang S.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá C phải chịu 33.644.000 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả Ông Nguyễn Quang S số tiền tạm ứng án phí 12.750.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004322 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả NLQ1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005901 ngày 14/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Việt Hà